

Số: 95/QĐ-UBND

HBông, ngày 19 tháng 11 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH
Công bố Hệ thống quản lý chất lượng
phù hợp tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương năm 2015;

Căn cứ Quyết định số 19/2014/QĐ-TTg ngày 05/3/2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2008 vào hoạt động của các cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 4108/QĐ-BKHHCN ngày 31/12/2015 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về việc hủy bỏ Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2008; Quyết định số 4109/QĐ-BKHHCN ngày 31/12/2015 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về việc công bố Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015;

Căn cứ Quyết định số 680/QĐ-UBND ngày 14/11/2019 của UBND tỉnh Gia Lai về việc ban hành Kế hoạch xây dựng, chuyển đổi Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001.

Xét đề nghị của Văn phòng - Thống kê xã,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố Hệ thống quản lý chất lượng tại Ủy ban nhân dân xã HBông phù hợp Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 theo quy định tại Quyết định số 19/2014/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ đối với các lĩnh vực hoạt động trong Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ban hành và thay thế quyết định 05a/QĐ-UBND ngày 23/01/2018 của Ủy ban nhân dân xã về việc công bố Hệ thống Quản lý chất lượng phù hợp Tiêu chuẩn Quốc gia TCVN ISO 9001:2008.

Điều 3. Ban Chỉ đạo ISO xã, Văn phòng - Thống kê, các cán bộ, công chức chuyên môn, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 (T/h);
- Ban Chỉ đạo ISO huyện (B/c);
- TTr ĐU, HĐND xã;
- Chủ tịch, các PCT UBND xã;
- Lưu: VP, BCĐ ISO.

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Phạm Hữu Viên

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN CÔNG BỐ

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ HBÔNG

**Công bố Hệ thống quản lý chất lượng tại Ủy ban nhân dân xã HBông
phù hợp với Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015
đối với các lĩnh vực hoạt động**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 95/QĐ-UBND ngày 19/11/2020 của UBND xã HBông)

Bản công bố này có hiệu lực kể từ ngày ban hành./.

Phụ lục
DANH MỤC TÀI LIỆU HỆ THỐNG QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG
THEO TIÊU CHUẨN TCVN ISO 9001:2015

(Kèm theo Quyết định số 95/QĐ-UBND ngày 19/11/2020 của UBND xã HBông)

STT	Tên tài liệu	Mã hiệu	Ghi chú
I. Tài liệu, hướng dẫn theo mô hình hệ thống quản lý chất lượng			
1	Chính sách chất lượng	CSCL	
2	Mục tiêu chất lượng	MTCL	
3	Hướng dẫn kiểm soát thông tin dạng văn bản (tài liệu, hồ sơ)	HD.01	
4	Hướng dẫn quản lý rủi ro và cơ hội	HD.02	
5	Hướng dẫn đánh giá nội bộ	HD.03	
6	Hướng dẫn kiểm soát sự không phù hợp và Hành động khắc phục	HD.04	
II. Quy trình quản lý nội bộ			
1	Quy trình xem xét của Lãnh đạo UBND xã	QT.VP.01	
2	Quy trình Quản lý văn bản đi-đến	QT.VP.02	
3	Quy trình Tổ chức Đánh giá nội bộ	QT.VP.03	
4	Quy trình kiểm soát tài liệu	QT.VP.04	
5	Quy trình kiểm soát hồ sơ	QT.VP.05	
III. Quy trình giải quyết TTHC			
*	Lĩnh vực Tư pháp		
1.	Liên thông thủ tục hành chính về đăng ký khai sinh, đăng ký thường trú, cấp thẻ BHYT cho trẻ em dưới 6 tuổi	QT.TP.01	
2.	Liên thông thủ tục hành chính về đăng ký khai sinh, cấp thẻ BHYT cho trẻ em dưới 6 tuổi	QT.TP.02	
3.	Đăng ký khai tử và xóa đăng ký thường trú đối với người chết có đăng ký thường trú tại tỉnh Gia Lai	QT.TP.03	
4.	Đăng ký khai sinh	QT.TP.04	
5.	Đăng ký khai tử	QT.TP.05	
6.	Đăng ký khai sinh lưu động	QT.TP.06	
7.	Đăng ký khai tử lưu động	QT.TP.07	
8.	Đăng ký giám hộ	QT.TP.08	
9.	Đăng ký chấm dứt giám hộ	QT.TP.09	

10.	Thay đổi, cải chính, bổ sung hộ tịch.	QT.TP.10	
11.	Cấp giấy xác nhận tình trạng hôn nhân	QT.TP.11	
12.	Đăng ký lại khai sinh	QT.TP.12	
13.	Đăng ký khai sinh cho người đã có hồ sơ, giấy tờ cá nhân	QT.TP.13	
14.	Đăng ký lại khai tử	QT.TP.14	
15.	Cấp bản sao trích lục hộ tịch	QT.TP.15	
16.	Đăng ký kết hôn	QT.TP.16	
17.	Đăng ký nhận cha, mẹ, con	QT.TP.17	
18.	Đăng ký khai sinh kết hợp đăng ký nhận cha, mẹ, con	QT.TP.18	
19.	Đăng ký kết hôn lưu động	QT.TP.19	
20.	Đăng ký lại kết hôn	QT.TP.20	
21.	Đăng ký lại việc nuôi con nuôi trong nước	QT.TP.21	
22.	Đăng ký việc nuôi con nuôi trong nước	QT.TP.22	
23.	Giải quyết việc người nước ngoài cư trú ở khu vực biên giới nước láng giềng nhận trẻ em Việt Nam làm con nuôi	QT.TP.23	
24.	Cấp bản sao từ sổ gốc	QT.TP.24	
25.	Chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ, văn bản do cơ quan tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam cấp hoặc chứng nhận	QT.TP.25	
26.	Chứng thực chữ ký trong các giấy tờ, văn bản (áp dụng cho cả trường hợp chứng thực điểm chỉ và trường hợp người yêu cầu chứng thực không thể ký, điểm chỉ được)	QT.TP.26	
27.	Chứng thực việc sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ hợp đồng, giao dịch	QT.TP.27	
28.	Sửa lỗi sai sót trong hợp đồng, giao dịch	QT.TP.28	
29.	Cấp bản sao có chứng thực từ bản chính hợp đồng, giao dịch đã được chứng thực	QT.TP.29	
30.	Chứng thực hợp đồng, giao dịch liên quan đến tài sản là động sản, quyền sử dụng đất, nhà ở	QT.TP.30	
31.	Chứng thực văn bản từ chối nhận di sản	QT.TP.31	
32.	Chứng thực văn bản thỏa thuận phân chia di sản mà di sản là động sản, quyền sử dụng đất, nhà ở	QT.TP.32	
33.	Chứng thực văn bản khai nhận di sản mà di sản là động sản, quyền sử dụng đất, nhà ở	QT.TP.33	
34.	Chứng thực di chúc	QT.TP.34	
35.	Thủ tục công nhận hòa giải viên	QT.TP.35	

36.	Thủ tục công nhận tổ trưởng tổ hòa giải	QT.TP.36	
37.	Thủ tục thôi làm hòa giải viên	QT.TP.37	
38.	Thủ tục thanh toán thù lao cho hòa giải viên	QT.TP.38	
39.	Công nhận tuyên truyền viên pháp luật	QT.TP.39	
40.	Miễn nhiệm tuyên truyền viên pháp luật	QT.TP.40	
41.	Giải quyết yêu cầu bồi thường tại cơ quan trực tiếp quản lý người thi hành công vụ gây thiệt hại	QT.TP.41	
*	Lĩnh vực thi đua - Khen thưởng và Tôn giáo		
42.	Thủ tục tặng giấy khen của Chủ tịch UBND cấp xã về thành tích xuất sắc trong thực hiện nhiệm vụ chính trị	QT.KT.01	
43.	Thủ tục xét tặng danh hiệu Lao động tiên tiến	QT.KT.02	
44.	Thủ tục tặng giấy khen của Chủ tịch UBND cấp xã về thành tích thi đua theo đợt hoặc chuyên đề	QT.KT.03	
45.	Thủ tục tặng giấy khen của Chủ tịch UBND cấp xã về thành tích đột xuất	QT.KT.04	
46.	Thủ tục tặng giấy khen của Chủ tịch UBND cấp xã cho gia đình	QT.KT.05	
47.	Thủ tục xét tặng danh hiệu vinh danh Nhà nước "Bà mẹ Việt Nam anh hùng"	QT.KT.06	
48.	Thủ tục xét truy tặng danh hiệu vinh dự Nhà nước "Bà mẹ Việt Nam anh hùng"	QT.KT.07	
49.	Thủ tục đăng ký hoạt động tín ngưỡng	QT.TG.08	
50.	Thủ tục đăng ký bổ sung hoạt động tín ngưỡng	QT.TG.09	
51.	Thủ tục đăng ký sinh hoạt tôn giáo tập trung	QT.TG.10	
52.	Thủ tục thông báo danh mục hoạt động tôn giáo đối với tổ chức có địa bàn hoạt động tôn giáo ở một xã	QT.TG.11	
53.	Thủ tục thông báo danh mục hoạt động tôn giáo bổ sung đối với tổ chức có địa bàn hoạt động tôn giáo ở một xã	QT.TG.12	
54.	Thủ tục đăng ký thay đổi người đại diện của nhóm sinh hoạt tôn giáo tập trung	QT.TG.13	
55.	Thủ tục đề nghị thay đổi địa điểm sinh hoạt tôn giáo tập trung trong địa bàn một xã	QT.TG.14	
56.	Thủ tục đề nghị thay đổi địa điểm sinh hoạt tôn giáo tập trung đến địa bàn xã khác	QT.TG.15	
57.	Thủ tục thông báo về việc thay đổi địa điểm sinh hoạt tôn giáo tập trung	QT.TG.16	
58.	Thủ tục thông báo tổ chức quyên góp trong địa bàn một xã của cơ sở tín ngưỡng, tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc	QT.TG.17	
*	Lĩnh vực khiếu nại, tố cáo, tiếp công dân		

59.	Xử lý đơn tại cấp xã	QT.TC.01	
60	Giải quyết khiếu nại lần đầu tại cấp xã	QT.TC.02	
61	Giải quyết tố cáo tại cấp xã	QT.TC.03	
62	Tiếp công dân tại cấp xã	QT.TC.04	
*	Lĩnh vực Đất đai - Xây dựng		
63	Đề nghị miễn, giảm tiền sử dụng đất đối với người có công với cách mạng (Thủ tục hành chính đặc thù của tỉnh ban hành)	QT.ĐĐ.01	
64	Hoà giải tranh chấp đất đai	QT.ĐĐ.02	
65	Xác nhận hợp đồng tiếp nhận nguồn gen và chia sẻ lợi ích	QT.ĐĐ.03	
*	Lĩnh vực Lao động – Thương binh xã hội		
66	Thực hiện chế độ trợ cấp một lần đối với thân nhân người hoạt động kháng chiến được tặng huân chương, huy chương chết trước ngày 01 tháng 01 năm 1995 mà chưa được hưởng chế độ ưu đãi	QT.LĐTBXH.1	
67	Chuyển trẻ em đang được chăm sóc thay thế tại cơ sở trợ giúp xã hội đến cá nhân, gia đình nhận chăm sóc thay thế	QT.LĐTBXH.2	
68	Thông báo nhận chăm sóc thay thế cho trẻ em đối với cá nhân, người đại diện gia đình nhận chăm sóc thay thế là người thân thích của trẻ em	QT.LĐTBXH.3	
69	Đăng ký nhận chăm sóc thay thế cho trẻ em đối với cá nhân, người đại diện gia đình nhận chăm sóc thay thế không phải là người thân thích của trẻ em	QT.LĐTBXH.4	
70	Phê duyệt kế hoạch hỗ trợ, can thiệp đối với trẻ em bị xâm hại hoặc có nguy cơ bị bạo lực, bóc lột, bỏ rơi và trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt	QT.LĐTBXH.5	
71	Thủ tục giải quyết chế độ đối với thân nhân liệt sĩ	QT.LĐTBXH.6	
72	Thủ tục giải quyết trợ cấp tiền tuất hàng tháng cho thân nhân khi người có công từ trần	QT.LĐTBXH.7	
73	Thủ tục hưởng mai táng phí, trợ cấp một lần khi người có công với cách mạng từ trần	QT.LĐTBXH.8	
74	Thủ tục thực hiện chế độ ưu đãi trong giáo dục đào tạo đối với người có công với cách mạng và con của họ	QT.LĐTBXH.9	
75	Xác nhận vào đơn đề nghị di chuyển hài cốt liệt sĩ; đơn đề nghị thăm viếng mộ liệt sĩ	QT.LĐTBXH.10	
76	Xác định, xác định lại mức độ khuyết tật và cấp Giấy xác nhận khuyết tật	QT.LĐTBXH.11	
77	Đăng ký hoạt động đối với cơ sở trợ giúp xã hội dưới 10 đối tượng có hoàn cảnh khó khăn	QT.LĐTBXH.12	
78	Trợ giúp xã hội đột xuất về hỗ trợ làm nhà ở, sửa chữa nhà ở	QT.LĐTBXH.13	

79	Trợ giúp xã hội đột xuất về hỗ trợ chi phí mai táng	QT.LĐTBOXH.14	
80	Đổi, cấp lại Giấy xác nhận khuyết tật	QT.LĐTBOXH.15	
81	Công nhận hộ nghèo, công nhận hộ cận nghèo phát sinh trong năm	QT.LĐTBOXH.16	
82	Quyết định quản lý cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình (thủ tục bổ sung)	QT.LĐTBOXH.17	
83	Quyết định cai nghiện ma túy tự nguyện tại cộng đồng (thủ tục bổ sung)	QT.LĐTBOXH.18	
84	Thủ tục “Hỗ trợ học văn hóa, học nghề, trợ cấp khó khăn ban đầu cho nạn nhân”	QT.LĐTBOXH.19	
85	Xác nhận hộ gia đình làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình giai đoạn 2016-2020 thuộc diện đối tượng được ngân sách nhà nước hỗ trợ đóng bảo hiểm y tế	QT.LĐTBOXH.20	
86	Công nhận hộ thoát nghèo, hộ thoát cận nghèo trong năm	QT.LĐTBOXH.21	
87	Ủy quyền hưởng trợ cấp, phụ cấp ưu đãi	QT.LĐTBOXH.22	
88	Trợ cấp hàng tháng đối với thanh niên xung phong đã hoàn thành nhiệm vụ trong kháng chiến	QT.LĐTBOXH.23	
89	Trợ cấp một lần đối với thanh niên xung phong đã hoàn thành nhiệm vụ trong kháng chiến	QT.LĐTBOXH.24	
90	Tiếp nhận đối tượng là người chưa thành niên không có nơi cư trú ổn định bị áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn vào cơ sở trợ giúp trẻ em	QT.LĐTBOXH.25	
91	xác nhận thương binh, người hưởng chính sách như thương binh đối với người bị thương không thuộc lực lượng công an, quân đội trong chiến tranh từ ngày 31/12/1991 trở về trước không còn giấy tờ	QT.LĐTBOXH.26	
92	Thủ tục bổ sung tình hình thân nhân trong hồ sơ liệt sĩ	QT.LĐTBOXH.27	
*	Lĩnh vực Địa chính – Nông nghiệp		
93	Hỗ trợ đầu tư xây dựng phát triển thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng và tưới tiên tiến, tiết kiệm nước (Đối với nguồn vốn hỗ trợ trực tiếp, ngân sách địa phương và nguồn hợp pháp khác của địa phương phân bổ dự án cho UBND cấp xã thực hiện)	QT.ĐCNN.01	
94	Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó thiên tai cho công trình, vùng hạn du đập trong quá trình thi công thuộc thẩm quyền của UBND cấp xã	QT.ĐCNN.02	
95	Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp thuộc thẩm quyền của UBND cấp xã	QT.ĐCNN.03	
96	Chuyên đổi cơ cấu cây trồng trên đất trồng lúa	QT.ĐCNN.04	
97	Phê duyệt kế hoạch khuyến nông địa phương	QT.ĐCNN.05	
98	Đăng ký kê khai số lượng chăn nuôi tập trung và nuôi trồng thủy sản ban đầu	QT.ĐCNN.06	

99	Hỗ trợ khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do dịch bệnh	QT.ĐCNN.07	
100	Hỗ trợ khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do thiên tai	QT.ĐCNN.08	
101	Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó thiên tai cho công trình vùng hạ du đập thủy điện thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân cấp xã	QT.ĐCNN.09	
102	Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp hồ chứa thủy điện thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân cấp xã	QT.ĐCNN.10	
103	Thông báo thành lập tổ hợp tác	QT.ĐCNN.11	
104	Thông báo thay đổi tổ hợp tác	QT.ĐCNN.12	
105	Thông báo chấm dứt hoạt động của tổ hợp tác	QT.ĐCNN.13	